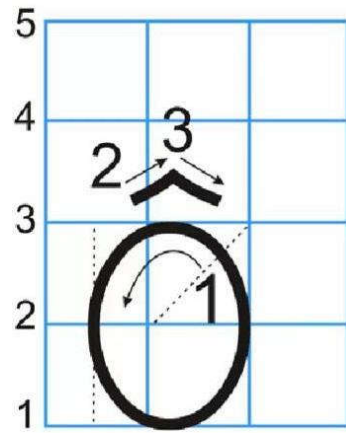


- + Nét 1: Đặt bút dưới đường kẻ 3 một chút, viết nét cong kín từ phải sang trái, dừng bút ở điểm xuất phát.
- + Nét 2: Đặt bút trên dòng kẻ 3 viết nét hất, đến giữa dòng kẻ 3 và 4 thì dừng lại.
- + Nét 3: Từ điểm dừng bút của nét 2 viết nét thẳng xiên trái đến trên dòng kẻ 3 thì dừng bút.



3. HS tập viết bảng con, tập tô trong vở tập tô chữ o, ô.

- GV quan sát, giúp đỡ HS

4. HS tập viết vở ô li.

- Mỗi chữ cái viết 5 dòng.
- GV quan sát, sửa lỗi cho HS.

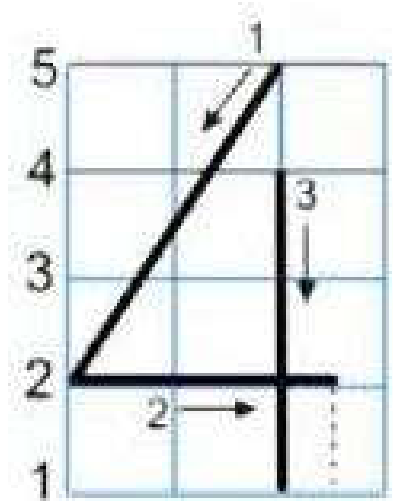
5. Nhận xét, khen ngợi HS.

TOÁN

SỐ 4

1. Giới thiệu số 4.

- GV treo mẫu số 4 lên bảng.
- HS quan sát, nhận xét.
- + Số 4 cao bao nhiêu ô li? Rộng bao nhiêu ô li? (Cao 4 ô li, rộng 2 ô li)
- + Số 4 được tạo bởi bao nhiêu nét? Đó là những nét nào? (Tạo bởi 3 nét xiên phải, nét ngang và nét đứng.)
- GV hướng dẫn cách viết số 4.
- + Nét 1: Từ dòng kẻ 5 cắt với đường kẻ 4, viết nét xiên xuống đến dòng kẻ 2 cắt với đường kẻ dọc 2.
- + Nét 2: Từ điểm dừng bút của nét 1, viết tiếp nét ngang sang phải rộng 2 ô li rưỡi.
- + Nét 3: từ dòng kẻ 4 viết nét thẳng cao 3 ô li từ trên xuống dưới trùng với đường kẻ 4 đến dòng kẻ 1 thì dừng



bút.

- HS tập viết bảng con.

2. HS tập tô số 4.

- HS tập tô số 4 trong vở tập tô, thời gian tô 15'

3. HS tập viết vào vở ô li.

- HS vẽ 5 dòng số 4 cỡ vừa và 5 dòng số 4 cỡ nhỏ vào vở.

- GV quan sát, giúp đỡ HS.

4. Nhận xét, khen ngợi HS.

Thứ ba, ngày 20 tháng 6 năm 2017

Tiếng Việt

TẬP VIẾT CHỮ Ơ, A THƯỜNG

1. Ôn chữ cái: Ôn bảng chữ cái.

- HS đồng thanh đọc lại bảng chữ cái

- HS đọc cá nhân bảng chữ cái.

2. Hướng dẫn viết chữ ơ, a.

* Chữ ơ:

- Chữ ơ cao 2 ô li, rộng 1 ô li rưỡi.

Tạo bởi 2 nét là nét cong kín và nét móc (râu)

- Cách viết:

+ Nét 1: Đặt bút dưới đường kẻ 3 một chút, viết nét cong kín từ phải sang trái, dừng bút ở điểm xuất phát.

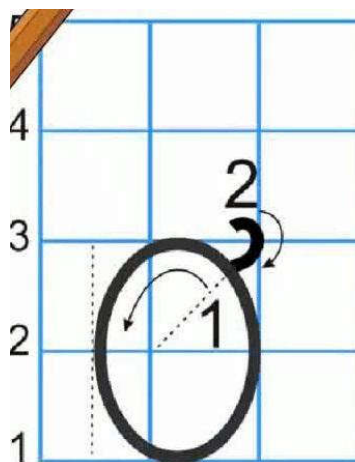
+ Nét 2: Đặt bút trên dòng 3 một chút, viết nét cong sang phải bên phải nét cong kín gắn vào nét cong kín.

* Chữ a:

- Chữ a cao 2 ô li, rộng 1 ô li rưỡi.

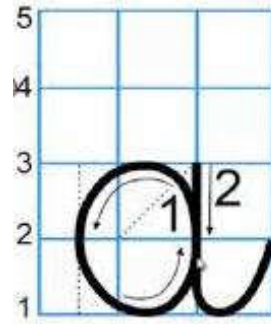
Gồm nét cong kín và nét móc ngược

- Cách viết:



+ Nét 1: Đặt bút dưới đường kẻ 3 một chút, viết nét cong kín từ phải sang trái rộng 1 ô li rưỡi, dừng bút ở điểm xuất phát.

+ Nét 2: Đặt bút trên dòng kẻ 3 viết nét móc ngược sát với nét cong kín rộng 1 ô li.



3. HS tập viết bảng con, tập tô trong vở tập tô chữ o, a.

- GV quan sát, giúp đỡ HS

4. HS tập viết vở ô li.

- Mỗi chữ cái viết 5 dòng.

- GV quan sát, sửa lỗi cho HS.

5. Nhận xét, khen ngợi HS.

TOÁN

SỐ 5

1. Giới thiệu số 5.

- GV treo mẫu số 5 lên bảng.

- HS quan sát, nhận xét.

+ Số 5 cao bao nhiêu ô li? Rộng bao nhiêu ô li? (Cao 4 ô li, rộng 2 ô li)

+ Số 5 được tạo bởi bao nhiêu nét? Đó là những nét nào? (Tạo bởi 3 nét ngang, nét thẳng và nét cong phải.)

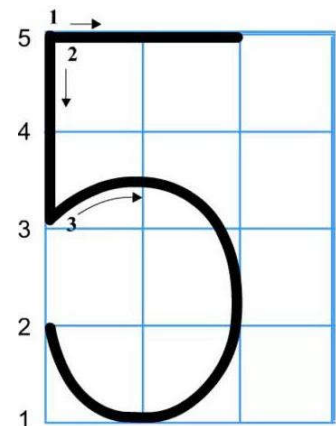
- GV hướng dẫn cách viết số 5.

+ Nét 1: Từ đường kẻ 3 cắt với dòng kẻ 5, viết nét ngang từ trái sang phải rộng 2 ô li trùng với dòng kẻ 5 đến đường kẻ 5.

+ Nét 2: Từ điểm đặt bút của nét 1, viết tiếp nét thẳng từ trên xuống dưới cao 2 ô li trùng với đường kẻ 3 xuống đến dòng kẻ 3.

+ Nét 3: Từ điểm dừng bút của nét 2 viết nét cong phải rộng 2 ô li, đến dòng kẻ 2 thì dừng lại

- HS tập viết bảng con.



2. HS tập tô số 5.

- HS tập tô số 5 trong vở tập tô, thời gian tô 15'

3. HS tập viết vào vở ô li.

- HS vẽ 5 dòng số 5 cỡ vừa và 5 dòng số 5 cỡ nhỏ vào vở.

- GV quan sát, giúp đỡ HS.

4. Nhận xét, khen ngợi HS.

Thứ tư, ngày 21 tháng 6 năm 2017

Tiếng Việt

TẬP VIẾT CHỮ Ẻ, Â THƯỜNG

1. Ôn chữ cái: Ôn bảng chữ cái.

- HS đồng thanh đọc lại bảng chữ cái

- HS đọc cá nhân bảng chữ cái.

2. Hướng dẫn viết chữ ẻ, ả.

* Chữ ẻ:

- Chữ ẻ cao 2 ô ly, rộng 1 ô li rưỡi. Tạo bởi 3 nét là nét cong kín, nét móc ngược và nét cong dưới nhỏ.

- Cách viết:

+ Nét 1: Đặt bút dưới đường kẻ 3 một chút, viết nét cong kín từ phải sang trái rộng 1 ô li rưỡi, dừng bút ở điểm xuất phát.

+ Nét 2: Đặt bút trên dòng 3 viết nét móc ngược cao 2 ô li rộng 1 ô li sát với nét cong kín, dừng bút ở dòng kẻ 2.

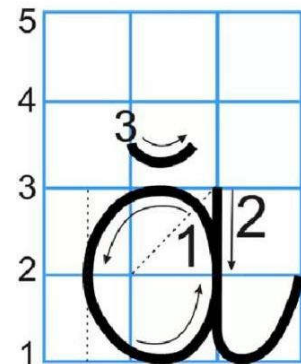
+ Nét 3: Trên nét cong kín, giữa dòng kẻ 3 và 4, viết nét cong dưới từ trái sang phải.

* Chữ ả:

- Chữ ả cao 2 ô li, rộng 1 ô li rưỡi. Gồm nét cong kín và nét móc ngược, nét hất và nét xiên trái.

- Cách viết:

+ Nét 1: Đặt bút dưới đường kẻ 3 một chút, viết nét

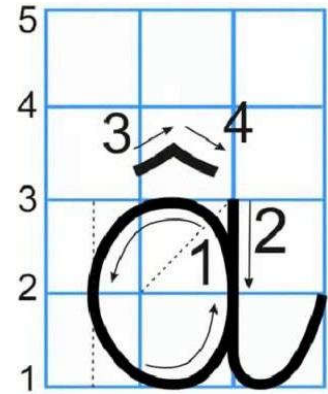


cong kín từ phải sang trái rộng 1 ô li rưỡi, dừng bút ở điểm xuất phát.

+ Nét 2: Đặt bút trên dòng kẻ 3 viết nét móc ngược sát với nét cong kín rộng 1 ô li.

+ Nét 3: Trên chữ a, trên dòng kẻ 3 viết nét hất lên đến giữa dòng kẻ 3 và 4.

+ Nét 4: Từ điểm dừng bút của nét 3, viết nét xiên trái đến trên dòng kẻ 3 (bằng với điểm đặt bút của nét 3).



3. HS tập viết bảng con, tập tô trong vở tập tô chữ ã, â.

- GV quan sát, giúp đỡ HS

4. HS tập viết vở ô li.

- Mỗi chữ cái viết 5 dòng.

- GV quan sát, sửa lỗi cho HS.

5. Nhận xét, khen ngợi HS.

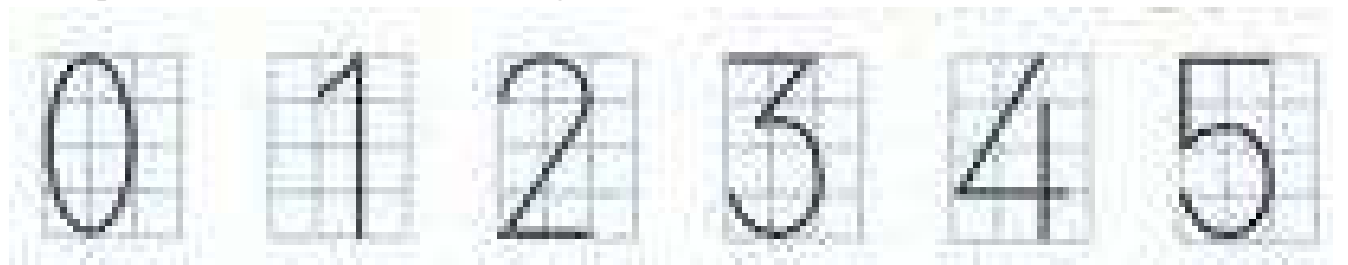
TOÁN

ÔN TẬP CÁC SỐ 1, 2, 3, 4, 5

1. Hướng dẫn lại cách viết các số 1, 2, 3, 4, 5.

- GV treo mẫu số 1, 2, 3, 4, 5 lên bảng.

- HS quan sát, nêu lại độ cao, độ rộng, các nét chính của các chữ số.



2. HS tập viết lại các số vào bảng con.

- GV quan sát, sửa lỗi cho HS

3. HS tập viết vào vở ô li.

- HS viết mỗi số 5 cỡ vừa và 5 dòng cỡ nhỏ vào vở.

- GV quan sát, giúp đỡ HS.

4. Nhận xét, khen ngợi HS.

Thứ năm, ngày 22 tháng 6 năm 2017

Tiếng Việt

TẬP VIẾT CHỮ B, C, CÔ, CA, BA, BÔ

1. Ôn chữ cái: Ôn bảng chữ cái.

- HS đồng thanh đọc lại bảng chữ cái
- HS đọc cá nhân bảng chữ cái.

2. Hướng dẫn viết chữ b, c.

* Chữ b:

- Chữ b cao 5 ô ly, rộng 2 ô li rưỡi. Tạo bởi 2 nét là nét khuyết trên và nét thắt trên.

- Cách viết:

+ Nét 1: Đặt bút trên dòng kẻ 2, bên trái đường kẻ 1, viết nét khuyết trên chạm dòng kẻ 6 xuống đến dưới dòng kẻ 1 lượn cong sang phải.

+ Nét 2: Từ điểm dừng bút của nét 1, viết tiếp nét thắt trên, dừng bút dưới dòng kẻ 3

* Chữ c:

- Chữ c cao 2 ô li, rộng 1 ô li rưỡi. Là nét cong trái

- Cách viết: Đặt bút dưới dòng kẻ 3, viết nét cong trái, dừng bút dưới dòng kẻ 1 hơi chéch sang phải.

* Hướng dẫn viết các tiếng cô, ca, ba, bo: Từ điểm dừng bút của chữ c, b viết tiếp ô, a, o để tạo thành các tiếng

- Hướng dẫn HS đánh vần các tiếng vừa ghép được.

+ Cờ - ô - cô

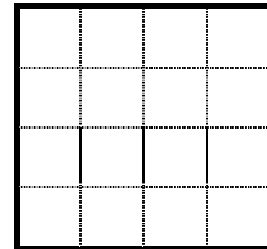
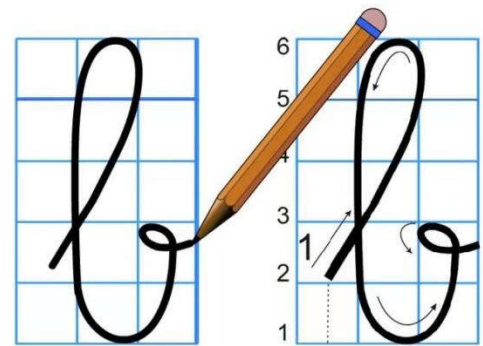
+ Cờ - a - ca

+ Bờ - a - ba

+ Bờ - ô - bô

3. HS tập viết bảng con, tập tô trong vở tập tô chữ b, c.

- GV quan sát, giúp đỡ HS



4. HS tập viết vở ô li.

- Mỗi chữ cái viết 5 dòng, mỗi tiếng viết 3 dòng.
- GV quan sát, sửa lỗi cho HS.

5. Nhận xét, khen ngợi HS.

TOÁN

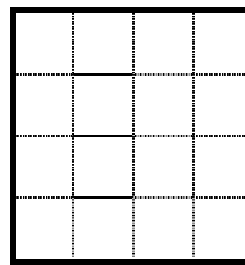
BÉ HƠN - DẤU <

1. Khái niệm bé hơn.

- Hướng dẫn HS hiểu thế nào là bé hơn, so sánh giữa các số đã học.

1. Giới thiệu dấu “<”.

- GV treo mẫu dấu “<” lên bảng.
- HS quan sát, nhận xét.
- + Dấu “<” cao bao nhiêu ô li? Rộng bao nhiêu ô li? (Cao 2 ô li, rộng 2 ô li)
- + Dấu “<” được tạo bởi bao nhiêu nét? Đó là những nét nào? (Tạo bởi 2 nét xiên phải và nét xiên trái)
- GV hướng dẫn cách viết dấu “<”.
- + Nét 1: Từ đường kẻ 4 cắt với dòng kẻ 3, viết nét xiên phải xuống đến dòng kẻ 2 cắt với đường kẻ 2
- + Nét 2: Từ điểm dừng bút của nét 1, viết tiếp nét xiên trái từ trên xuống dưới đến dòng kẻ 1 cắt với đường kẻ 4.



- HS tập viết bảng con.

3. HS tập viết vào vở ô li.

- HS vẽ 5 dòng dấu bé vào vở.
- HS thực hiện so sánh các số với nhau:

$$1 < 2; \quad 2 < 3; \quad 3 < 4; \quad 4 < 5;$$

- GV quan sát, giúp đỡ HS.

4. Nhận xét, khen ngợi HS.

Thứ sáu, ngày 23 tháng 6 năm 2017

Tiếng Việt

TẬP VIẾT CHỮ D, Đ, DA, ĐA

1. Ôn chữ cái: Ôn bảng chữ cái.

- HS đồng thanh đọc lại bảng chữ cái
- HS đọc cá nhân bảng chữ cái.

2. Hướng dẫn viết chữ d, đ.

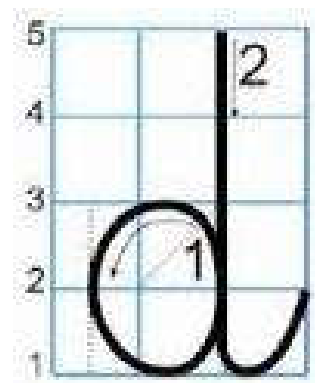
* Chữ d:

- Chữ d cao 4 ô ly, rộng 2 ô li rưỡi. Tạo bởi 2 nét là nét cong kín và nét móc ngược.

- Cách viết:

+ Nét 1: Đặt bút dưới dòng kẻ 3, viết nét cong kín từ phải sang trái bên trái đường kẻ 1, dừng bút tại điểm bắt đầu.

+ Nét 2: Rê bút lên đến dòng kẻ 5, viết tiếp nét móc ngược cao 4 ô li sát vào nét cong kín trùng với đường kẻ 1, dừng bút dưới dòng kẻ 2.



* Chữ đ:

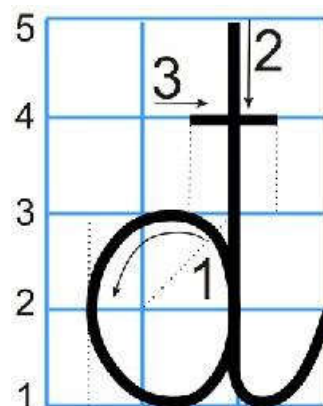
- Chữ đ cao 4 ô ly, rộng 2 ô li rưỡi. Tạo bởi 3 nét là nét cong kín, nét móc ngược và nét ngang.

- Cách viết:

+ Nét 1: Đặt bút dưới dòng kẻ 3, viết nét cong kín từ phải sang trái bên trái đường kẻ 1, dừng bút tại điểm bắt đầu.

+ Nét 2: Rê bút lên đến dòng kẻ 5, viết tiếp nét móc ngược cao 4 ô li sát vào nét cong kín trùng với đường kẻ 1, dừng bút dưới dòng kẻ 2.

+ Nét 3: trên dòng kẻ 4, viết nét ngang ngắn cắt phần trên nét móc ngược để tạo thành hữ đ.



* Hướng dẫn ghép các tiếng da, đa:

- Từ điểm dừng bút của chữ d, đ, nối chữ a vào để tạo thành tiếng da, đa
- Hướng dẫn HS đánh vần các tiếng.

+ Dờ - a – da

+ Đờ - a – đa

3. HS tập viết bảng con, tập tô trong vở tập tô chữ d, đ.

- GV quan sát, giúp đỡ HS

4. HS tập viết vở ô li.

- Mỗi chữ cái viết 5 dòng, mỗi tiếng viết 3 dòng.

- GV quan sát, sửa lỗi cho HS.

5. Nhận xét, khen ngợi HS.

TOÁN

LỚN HƠN - DẤU >

1. Khái niệm lớn hơn.

- Hướng dẫn HS hiểu thế nào là lớn hơn, so sánh giữa các số đã học.

1. Giới thiệu dấu “>”.

- GV treo mẫu dấu “>” lên bảng.

- HS quan sát, nhận xét.

+ Dấu “>” cao bao nhiêu ô li? Rộng bao nhiêu ô li? (Cao 2 ô li, rộng 2 ô li)

+ Dấu “>” được tạo bởi bao nhiêu nét? Đó là những nét nào? (Tạo bởi 2 nét xiên trái và nét xiên phải)

- GV hướng dẫn cách viết dấu “>”.

+ Nét 1: Từ đường kẻ dọc 2 cắt với đường kẻ ngang 3, viết nét xiên trái xuống đến đường kẻ ngang 2 cắt với đường kẻ dọc 4

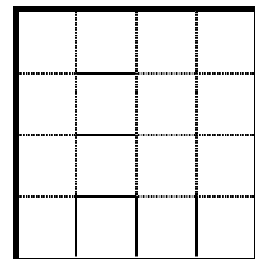
+ Nét 2: Từ điểm dừng bút của nét 1, viết tiếp nét xiên phải từ trên xuống dưới đến đường kẻ ngang 1 cắt với đường kẻ dọc 2.

- HS tập viết bảng con.

3. HS tập viết vào vở ô li.

- HS vẽ 5 dòng dấu bé vào vở.

- HS thực hiện so sánh các số với nhau:



$2 > 1;$ $3 > 2;$ $4 > 3;$ $5 > 4;$

- HS tự rút ra so sánh các số với nhau.
- GV quan sát, giúp đỡ HS.

4. Nhận xét, khen ngợi HS.

TUẦN 3

Thứ hai, ngày 26 tháng 6 năm 2017

Tiếng Việt

TẬP VIẾT CHỮ E, Ê, BE, BÊ, DÊ

1. Ôn chữ cái: Ôn bảng chữ cái.

- HS đồng thanh đọc lại bảng chữ cái
- HS đọc cá nhân bảng chữ cái.

2. Hướng dẫn viết chữ e, ê.

* Chữ e:

- Chữ e cao 2 ô ly, rộng 1 ô li rưỡi. là nét thắt.
- Cách viết: Đặt bút trên đường kẻ ngang 1 một chút, viết nét cong phải tới đường kẻ ngang 3 chuyển sang viết nét cong trái xuống đến đường kẻ 1, dừng bút giữa đường kẻ dọc 2 và 3

* Chữ ê:

- Chữ ê cao 2 ô ly, rộng 1 ô li rưỡi. Tạo bởi 3 nét là nét thắt, nét móc ngược và nét ngang.

- Cách viết:

+ Nét 1: Đặt bút trên đường kẻ ngang 1 một chút, viết nét cong phải tới đường kẻ ngang 3 chuyển sang viết nét cong trái xuống đến đường kẻ 1, dừng bút giữa đường kẻ dọc 2 và 3

+ Nét 2: Trên đường kẻ 3 viết nét hất đến giữa đường kẻ 3 và 4.

+ Nét 3: Từ điểm dừng bút của nét 2, viết nét xiên trái

